

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HA - LONG AN**

Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam

Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2010**

**Kết thúc vào ngày 30/09/2010**

**NỘI DUNG**

- |   |            |
|---|------------|
| 1 - Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2010              | : 03 trang |
| 2 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý III năm 2010 | : 01 trang |
| 3 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý III năm 2010           | : 01 trang |
| 4 - Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30/09/2010     | : 13 trang |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/09/2010

Mẫu số: **B 01 - DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày  
20/03/2006 của trưởng BTC)

Tài sản	MI số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2010)	Số đầu kỳ (30/06/2010)
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>45 709 369 061</b>	<b>47 263 078 133</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2 943 169 556</b>	<b>1 988 776 113</b>
1. Tiền	111	V.01	2 943 169 556	1 988 776 113
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	11A		68 149 382	177 832 846
- Tiền gửi Ngân hàng	11B		28750201741	1 810 943 267
- Tiền đang chuyển	11C			
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tili chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32 706 651 506</b>	<b>35 311 268 145</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		34 150711 602	36970763464
2. Trả trước cho người bán	132		78 783 062	59 030 073
3. Phải thu nội ngắn hạn	133			
4. Phải thu tiến do kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	468 879 303	273 197 069
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-1 991 722 461	-1 991 722 461
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6 011 536 336</b>	<b>5 882 928 483</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	6 011 536 336	5 882 928 483
- Hàng mua đang đi trên đường	148		166 937 818	
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		1 917 069 172	2 263 009 763
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143			
- Chi phí SXKD dở dang	144		534 504 117	534 504 117
- Hàng gửi đi bán	147		3 393 025 229	3 085 414 603
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4 048 011 663</b>	<b>4 080 105 392</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2 477 747 939	2 216 163 803
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			68 810 642
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1 570 263 724	1 795 130 947
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>27 055 148 380</b>	<b>28 146 620 580</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19 385 162 720</b>	<b>20 345 953 920</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	12 975 993 016	13 721 533 868
- Nguyên giá	222		23 037 863 191	23 218 066 170
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-10 061 870 175	-9 496 532 302
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09	4 051 019 122	4 253 241 013

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2010)	Số đầu kỳ (30/06/2010)
1	2	3	4	5
- Nguyên giá	225		5869605642	5869605642
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-1 818 586 520	-1 616 364629
3. TSCD vô hình	227	V.10	2358 150582	2371 179039
- Nguyên giá	228		2605691260	2605691260
- Giá trị hao mbn lũy kế (*)	229		-247540678	-234512221
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>V.II</b>		
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mbn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6987069000</b>	<b>7117750000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6 987 069 000	7 117750000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259			
<b>V. Thi sản dài hạn khác (260=261+262+268)</b>	<b>260</b>		<b>682 916 660</b>	<b>682 916 660</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		682 916 660	682 916 660
<b>Tổng cộng thi sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>72 764 517 441</b>	<b>75 409 698 713</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
<b>A. Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>40043682440</b>	<b>41827449865</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn (310=311+312+313+314+315+316+317+318+319+320)</b>	<b>310</b>		<b>37161539940</b>	<b>38945307365</b>
<b>1. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>311</b>	<b>V.15</b>	<b>23784068411</b>	<b>23065843931</b>
- Vay ngắn hạn			22 973 064 911	21603798013
- Nợ dài hạn đến hạn trả			811003560	1462045918
2. Phải trả cho người bán	312		11314699477	13400235773
3. Người mua trả tiền trước	313		999891 520	1456032362
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	294 797 623	191 341 845
5. Phải trả người lao động	315		267 580 000	295 659 050
6. Chi phí phải trả	316	V.17	161 626 523	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	751 305 804	941 223 822
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-412429418	-405029418
<b>II. Nợ dài hạn (330=331+332+333+334+335+336+337)</b>	<b>330</b>		<b>2 882 142 500</b>	<b>2 882142 500</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	2882 142500	2882142500
- Vay dài hạn	327		537 616 641	537 616 641
- Nợ dài hạn	328		2 344 525 859	2 344 525 859
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)</b>	<b>400</b>		<b>32 720 835 001</b>	<b>33 582 248 848</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>32720835001</b>	<b>33582248848</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27 482 700 000	27 482 700 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			

H. C. C. L.

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2010)	Số đầu kỳ (30/06/2010)
1	2	3	4	5
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2 119 678 737	2 119 678 737
8. Quỹ dự phbng tài chính	418		1 180457450	1 180457450
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
<b>10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>420</b>		<b>1937998814</b>	<b>2799412661</b>
- Lãi chưa phân phối	41A		1937998814	2799412661
- Lãi l6 chda kết chuyển trong kỳ	41B			
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	41B			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	42A			
- Chi sự nghiệp	42B			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD	433			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (430=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>72 764 517 441</b>	<b>75 409 698 713</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ Tiêu			
1. Tài sản thuê ngoài	N01	V.24	
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	N02		
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	N03		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	N04		
5. Ngoại tệ các loại	N05		
6. Hạn mức kinh phí cbn lai	N06		
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản	N09		

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



*Phan Văn Vàng*

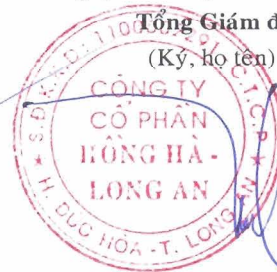
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



*Vũ Xuân Mạch*

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên)



*Phạm Văn Tiến*

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Từ ngày: 01/07/2010 đến ngày: 30/09/2010

Mẫu số: B 02 - DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của trưởng BTC)

Mã	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý III/2010	Lũy kế đến 30/09/2010	Quý III/2009	Lũy kế đến 31/12/2009
1	2	3	6 = 4+5		7	8
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	19.790.782.947	70 596 461 286	34 148 016 565	137 267 410 658
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)		19.790.782.947	70 596 461 286	34.148.016.565	137 267 410 658
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.27	19.328.561.041	67 781 989 096	31 333 478 127	123 788 647 609
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		462.221.906	2 814 472 190	2.814.538.438	13 478 763 049
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	52.335.794	2 396 324 132	7 191 112	145 622 846
22	7. Chi phí tài chính	VI.28	813.869.978	2 326 153 199	551 669 234	2 314 731 235
24	8. Chi phí bán hàng		149.060.991	446 299 218	136 062 814	960 032 841
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.038.131.916	3 030 513 515	859 528 408	5 751 294 365
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]		-1.486.505.185	- 592 169 610	1.274.469.094	4 598 327 454
31	11. Thu nhập khác		835.243.038	1 255 052 435	358 085 226	671 214 957
32	12. Chi phí khác		151.121.075	242 678 901	284 202 614	400 707 579
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		684.121.963	1 012 373 534	73.882.612	270 507 378
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)		-802.383.222	420 203 924	1.348.351.706	4 868 834 832
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.30		123 366 738	290 856 315	333 374 936
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.30				
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		-802.383.222	296 837 186	1.057.495.391	4 535 459 896
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)		- 292	108	385	1 650

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Vũ Xuân Mạch

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên đóng dấu)



Phạm Văn Tiến

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày: 01/07/2010 đến ngày: 30/09/2010

Mẫu số: B 03 - DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của trưởng BTC)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm này		Năm trước 2009
			Quý III/2010	Lũy kế đến 30/09/2010 6=4+5	
1	2	3		6=4+5	7
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD</b>					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và các doanh thu khác	01		24473621905	79516476202	137512060492
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-3490701690	-18190613085	-129337880815
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-1 163 068 765	-4 336 508 312	-6 782 417 220
4. Tiền chi trả lãi vay	04		- 813 869 978	-2 326 153 199	-2 457 832 990
5. Tiền chi nộp thuế và các khoản khác cho nhà nước	05		- 56 599 207	- 649 217 185	- 505 441 224
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1 186 275 525	3 639 209 503	6 375 380 733
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-2 242 827 867	-7 425 857 055	-6 308 437 067
	20		<b>17 892 829 923</b>	<b>50 227 336 869</b>	<b>-1 504 568 091</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22			37 642 800	- 13 155 133
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23				
4. Tiền thu hời cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24				
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		- 49 995 000	-1 992 845 000	
6. Tiền thu hời đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		180 676 000	2 887 776 000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51 726 914	2 395 715 252	32 730 460
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>182 407 914</b>	<b>3 328 289 052</b>	<b>19 575 327</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3 432 608 880	7 110 000 000	74 582 799 411
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-20 553 453 274	-60 817 347 520	-69 724 629 875
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			- 239 896 000	- 797 329 374
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36				-1 374 135 000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>-17 120 844 394</b>	<b>-53 947 243 520</b>	<b>2 686 705 162</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	50		<b>954 393 443</b>	<b>- 391 617 599</b>	<b>1 201 712 398</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>1 988 776 113</b>	<b>3 334 787 155</b>	<b>2 133 074 757</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61				
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	70	31	<b>2 943 169 556</b>	<b>2 943 169 556</b>	<b>3 334 787 155</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

*Phan Văn Vàng*

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*Vũ Xuân Mạch*

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Giám đốc  
(Ký, họ tên và đóng dấu)



*Phan Văn Tiền*

*Phan Văn Vàng*

*Vũ Xuân Mạch*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01 th'ng 07 đến 30 th'ng 09 năm 2010

### I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Hồng Hà -Long An được thành lập theo biên bản thỏa thuận số 01/05/BB-HHLA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1100682291 ngày 14/9/05 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 m ngày 12/01/2010 do phbng kinh doanh Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Long An cấp.

#### 2- Lĩnh vực kinh doanh Sản xuất kinh doanh

#### 3- Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng, xây lắp, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, thi công trang trí nội ngoại thất công trình giao thông thủy lợi, cấp thoát nước, Xử lý môi trường, Giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản, Kinh doanh bất động sản Cung cấp, lắp đặt đường dây trạm biến áp, thi công công nghiệp, hệ thống cơ điện lạnh, Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường thủy. Cho thuê thiết bị máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Sản xuất phân bón. Sản xuất hàng chất (Trừ hàng chất có tính độc hại mạnh). mua bán trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao, vật tư hàng hóa. Mua bán máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ phụ tùng. Sản xuất, kinh doanh thiết bị xây dựng, kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí.

#### 4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không thay đổi nào làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính quý III năm 2010.

### II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm).

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán Việt nam đồng (VND)

### III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà Nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành áp dụng.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung được thực hiện trên phần mềm máy vi tính

### IV- Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

##### -Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### -Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được qui đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hông Gia Long An, XI Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu và chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, difu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

### 2- Nguyên tắc ghi nhận hàng hóa tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Công ty áp dụng nguyên tắc bình quân gia quyền để đánh giá hàng tồn kho.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Kiểm kê định kỳ
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

### 3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCD và bất động sản đầu tư

-Nguyên tắc ghi nhận TSCD (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua xdm, cdi tiến và tin trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bỏ đi sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi l6 nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

-Phương pháp khấu hao TSCD (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
-Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
-Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
-Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
-Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
-Tài sản cố định vô hình	50 năm
-Tài sản thuê tài chính	06 - 08 năm

### 4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

### 5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào công sở kinh doanh đồng kiểm soát
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

### 6- Nguyên tắc ghi nhận và vận hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay
- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

### 7- Nguyên tắc ghi nhận và vận hóa các khoản chi phí khác.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước



## CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì ước ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước phân bổ đi vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí hàng ứng với phần chênh lệch.

### 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi nhing khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập 6 kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ trước cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

### 10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hối tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

#### Doanh thu bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đúng thời thỏa mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Dịa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, XI Mỹ Hạnh Nam, Huyện Dfíc Hba , Tỉnh Long An

Cdc loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì ước ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Cdc chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Nhiệm vụ chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi cdc chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí hàng ứng với phần chênh lệch.

### 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ nhiệm vụ chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

### 10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

#### Doanh thu bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, XI Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định Nđng đối chđc chđn

12- Nguyên tắc và phđdng pháp ghi nhận chi phí tài chính.

13- Nguyên tắc và phđdng pháp ghi nhận chi phí thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14- Các nghiệp vụ dự phbng rủi ro hối đoái.

15- Các nguyên tắc và phđdng pháp kd toán khác

**V- Thông tin bổ sung cho các khoản mpc trình bày trong bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính : VND

<b>01 - TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối 02)</b>
- Tiền mặt	68.149.382	177.832.846
- Tiền gửi ngân hàng	2.875.020.174	1.810.943.267
- Tiền đang chuyển		
<b>Cộng</b>	<b>2.943.169.556</b>	<b>1.988.776.113</b>
<b>Ghi chú :</b> -Số dư tiền mặt tại quỹ khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 30/09/2010. -Số dư cuối kỳ của tiền gửi tại các ngân hàng khđp với sổ phụ ngân hàng ngày 30/09/2010.		
<b>02 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>	<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối 02)</b>
- Chứng khoán đầu tư ngđn han		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phbng giảm giá đầu tư ngđn han		
<b>Cộng</b>		
<b>03 - CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN</b>	<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối 02)</b>
- Phải thu khách hàng	34.150.711.602	36.970.763.464
- Trả trước cho người bán	78.783.062	59.030.073
- Các khoản phải thu khđc	468.879.303	273.197.069
+ Cty Cho Thuê tài chính Quốc tế VILC	153.238.108	161.895.254
+ Cty Cho thuê Tài chính CILC	10.071.420	15.666.660
+ Phải thu khác (nợ TK 338)	6.873.815	6.873.815
+ Thu nhập TNCN bị truy thu	71.808.340	88.761.340
+ Phải thu người lao động tiền BHXH T09/2010	14.300.000	
+ Tiền chiết khấu thanh toán + mua hàng được hưởng	212.587.620	
- Dự phòng phải thu khó đòi	-1.991.722.461	-1.991.722.461
<b>Cộng</b>	<b>32.706.651.506</b>	<b>35.311.268.145</b>
<b>04 - Hsng tồn kho</b>	<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối 02)</b>
+ Giá gốc hšnđg tđn kho	6.011.536.336	5.882.928.483
- Hàng mua đi đường	166.937.818	
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	1.917.069.172	2.263.009.763
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí SX, KD dở dang (*)	3.927.529.346	3.619.918.720
- Thành phẩm		
- Hàng hóa		
+ Dự phbng giảm giá hàng tồn kho	0	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HA -LONG AN**

Dịa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK</b>		<b>6.011.536.336</b>	<b>5.882.928.483</b>
-Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ khđp vdi bidn bản kiểm kê kho tại ngày 30/09/2010			
-(*): Giá trị trên chi tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (đầu kỳ và cuối kỳ) là số lượng bê tông đã xuất cho khách hàng vào thời điểm kết thúc 30/09/2010 nhưng chưa được khách hàng xác nhận và hồ sơ liên quan để phfit hành hóa đdn, đdn vị treo lại khoản chi phí này để khi có xác nhận của khách hàng mua bê tông, đdn vị sẽ xuất hóa đdn để ghi nhận doanh thu và kết chuyển vào giá vốn. Giá trị này thực chất không phải là chi phí SXKD dở dang cuối kỳ.			
-Trong số dư chi phí SXKD dở dang cuối kỳ có 534.504.117 đồng là khoản chi phí lắp đặt trạm trộn bê tông 30 m3/h cho Cty Cổ Phần Đầu tư & XD Công Nghệ 10 theo hợp đồng kinh tế số 101-06/HĐKT ngày 25/09/2006. Chi phí này đến 30/09/2010 vẫn chưa quyết toán xong với khách hàng.			
<b>05 -CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN</b>		<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối Q2)</b>
-Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ		88.992.852	98.966.106
-Chi phí sửa chữa tài sản		1.968.864.263	1.821.498.616
-Chi phí khđc		419.890.824	295.699.081
<b>Cộng</b>		<b>2.477.747.939</b>	<b>2.216.163.803</b>
<b>06 -TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>		<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối Q2)</b>
-Các khoản tạm Bng cá nhân		1.570.263.724	1.795.130.947
<b>Cộng</b>		<b>1.570.263.724</b>	<b>1.795.130.947</b>
<b>07 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối Q2)</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa			
- Thuế GTGT được khấu trừ			68.810.642
- Các khoản khđc phải nộp Nhà nước			
<b>Cộng</b>		<b>0</b>	<b>68.810.642</b>
<b>08 - Tăng , giảm tài sản cố định hữu hình</b>			

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khđc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>	<b>4.438.855.154</b>	<b>6.083.354.027</b>	<b>12.153.894.970</b>	<b>169.365.703</b>	<b>192.393.337</b>	<b>23.037.863.191</b>
Số dư đầu năm	4.438.855.154	6.083.354.027	12.334.097.949	169.365.703	192.393.337	23.218.066.170
-Mua trong năm			90.261.818			90.261.818
-Đầu tư XDCB hoàn thành						0
-Tăng khđc						0
-Chuyển sang BDS đầu tư						0
-Thanh lý, nhượng bán			270.464.797			270.464.797
-Giảm khác						0
Số dư cuối năm	4.438.855.154	6.083.354.027	12.153.894.970	169.365.703	192.393.337	23.037.863.191
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>1.765.909.227</b>	<b>2.634.319.215</b>	<b>5.471.166.329</b>	<b>137.567.263</b>	<b>52.908.141</b>	<b>10.061.870.175</b>
Số dư đầu năm	1.657.197.494	2.439.332.604	5.219.106.394	132.797.500	48.098.310	9.496.532.302
-Khấu hao trong năm	108.711.733	194.986.611	381.485.825	4.769.763	4.809.831	694.763.763
-Tăng khđc						0
-Chuyển sang BDS đầu tư						0
-Thanh lý, nhượng bán			129.425.890			129.425.890
-Giảm khác						0
Số dư cuối năm						0
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>	<b>2.672.945.927</b>	<b>3.449.034.812</b>	<b>6.682.728.641</b>	<b>31.798.440</b>	<b>139.485.196</b>	<b>12.975.993.016</b>
-Tại ngày đầu năm	2.781.657.660	3.644.021.423	7.114.991.555	36.568.203	144.295.027	13.721.533.868
-Tại ngày cuối năm	2.672.945.927	3.449.034.812	6.682.728.641	31.798.440	139.485.196	12.975.993.016

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

dảm bảo các khoản vay

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

**09 - Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>		<b>1.086.595.861</b>	<b>4.783.009.781</b>	-	-	<b>5.869.605.642</b>
Số dư đầu năm		1.086.595.861	4.783.009.781			5.869.605.642
-Thuê tài chính trong năm						
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
-Tăng khác						
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
-Giảm khác						
Số dư cuối năm		1.086.595.861	4.783.009.781			5.869.605.642
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	<b>67.912.242</b>	<b>1.750.674.278</b>	-	-	<b>1.818.586.520</b>
Số dư đầu năm		33.956.121	1.582.408.508			1.616.364.629
-Khấu hao trong năm		33.956.121	168.265.770			202.221.891
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
-Tăng khác						
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
-Giảm khác						
Số dư cuối năm						
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>	-	<b>1.018.683.619</b>	<b>3.032.335.503</b>		-	<b>4.051.019.122</b>
-Tại ngày đầu năm		1.052.639.740	3.200.601.273			4.253.241.013
-Tại ngày cuối năm		1.018.683.619	3.032.335.503			4.051.019.122

\* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm

**10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Quyền sử dụng đất	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>				<b>2.605.691.260</b>		
Số dư đầu năm				2.605.691.260		
-Mua trong năm						
-Tạo ra từ nội bộ DN						
-Tang do hợp nhất kinh doanh						
-Tăng khác						
-Thanh lý, nhượng bán						
-Giảm khác						
Số dư cuối năm				2.605.691.260		
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				<b>247.540.678</b>		
Số dư đầu năm				234.512.221		
-Khấu hao trong năm				13.028.457		
-Tăng khác						
-Thanh lý, nhượng bán						
-Giảm khác						
Số dư cuối năm				247.540.678		
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>				<b>2358.150.582</b>		
-Tại ngày đầu năm				2.371.179.039		

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Tại ngày cuối năm				2.358.150.582		
--------------------	--	--	--	---------------	--	--

\* Thuyết minh số liệu và gidi trình khdc

**11 - Chi phí xly dựng cd bản dở dang****Số cuối quý III****Số đầu năm (cuối Q2)**

- Tổng số chi phí XD CB dở dang

Trong đó (những công trình lớn)

+ NM BTHHBR-VT số 1

**12 Tang, giảm bất động sin đầu tư**

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
<b>Nguyên giá BĐS đầu tư</b>				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị còn lại của BĐS đầu tư</b>				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				

\* Thuyết minh số liệu và giải trình khdc

**13 - Đầu tư dài hạn khác****Số cuối quý III****Số đầu năm (cuối Q2)**

	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP XD & KD Địa ốc Tân Kỳ	3.333	60.219.000	10.000	190.900.000
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP DT & PT Hồng Hà	6.296.850	6.296.850.000	6.296.850	6.296.850.000
- Đầu tư CP Công ty CP Hồng Hà Bà Rịa - Vũng Tàu	63.000	630.000.000	63.000	630.000.000

**Cộng****6.987.069.000****7.117.750.000**

- Lý do thay đổi ddi với khoản đầu tư dài hạn vào Cty CP XD & KD Địa ốc Tân Kỳ do trong kỳ Công ty có mua thêm 3.333 cổ phần tu'dng du'ng giá trị : 49.995.000 đồng theo thông báo phát hàng cổ phiếu ra công chúng ngày 10/06/2010 của Công ty CP XD & KD Địa ốc Tân Kỳ.  
bán 10.000 Cổ phiếu tu'dng du'ng giá trị là : 180.676.000 đồng

**14 - TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC****Số cuối quý III****Số đầu năm (cuối Q2)**

- Ký quỹ thuê tài chính - Cty cho thuê tài chính Quốc tế VN ( VILC)	423.289.945	423.289.945
- Đặt cọc mua xe trộn bê tông & xe bdm ngang Cty Cho thuê tài chính (CILC)	187.626.715	187.626.715
- Đặt cọc thuê mặt bnhg NMBTHHLA số 2	72.000.000	72.000.000
<b>Cộng</b>	<b>682.916.660</b>	<b>682.916.660</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Holng Gia Long An, XI Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

<b>15 - VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối Q2)</b>
- Vay ngắn hạn	<b>22.973.064.911</b>	<b>21.603.798.013</b>
+Vay ngdn hạn NH DT & PT - CN TP. HCM	18.490.111.292	19.926.406.893
+Vay ngdn hạn TMCP Xăng Dầu Petrolimex	2.372.953.619	1.427.391.120
+Vay Cty CP Đầu tư & XD COTEC	200.000.000	200.000.000
+Vay Cty CP Đầu tư & Phát triển Hồng Hà	1.500.000.000	
+Vay ngắn hạn của các cá nhln	<b>410.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
* Phạm Văn Tiến	280.000.000	
* La Vĩnh Nhơn	80.000.000	
* Vũ Xuân Mach	50.000.000	50.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	<b>811.003.500</b>	<b>1.462.045.918</b>
+Ngân hàng DT & PT - CN TP. HCM	513.766.870	861.766.870
+Ngân hàng ANZ	16.709.379	32.703.732
+Công ty cho thuê tli chính Quốc td VN (VILC)	202.455.827	398.003.892
+Công ty cho thuê tài chính Quốc td CILC	78.071.424	169.571.424
-Phải trả người bán	11.314.699.477	13.400.235.773
-Người mua trả trước	999.891.520	1.456.032.362
-Phải trả tiền lương người lao động	267.580.000	295.659.050
<b>Cộng</b>	<b>36.366.239.408</b>	<b>38.217.771.116</b>

**Ghi chú :**

-Số dư các khoản vay ngân hàng khdp với xác nhận cda ngân hng tại ngly 30/09/2010

-Số dư khoản vay các cá nhln khdp với biên bản xác nhận vốn vay tại ngày 30/09/2010

-Số dư phải trả người bin khdp vdi biên bản xác nhận công nợ tại ngly 30/09/2010

<b>16 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>	<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối Q2)</b>
- Thuế giá trị gia tăng	146.119.575	
- Thuế titu thụ đặc biệt		
- Thuđ xuất, nhập khẩu		
- Thuđ thu nhập doanh nghiệp	57.487.310	90.938.579
- Thuđ thu nhập cá nhln		
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhl đất v l tiền thuê đất		
- C ic loại thuế khác	91.190.738	100.403.266
-Các khoản phi, lệ phi và các khoản phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b>294.797.623</b>	<b>191.341.845</b>

<b>17 - CHI PHÍ PHẢI TRẢ</b>	<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối Q2)</b>
-Chi phí lãi vay vốn cố định		
-Chi phí thuê bdm bê tang		
-Chi phí thí nghiệm mẫu		
-Chi phí phili trả khác		
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

<b>18 - CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC</b>	<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối Q2)</b>
- Tli sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phi công đoàn	348.401.373	326.140.739
- Bảo hiểm xã hội	39.913.431	170.454.468
- Bảo hiểm y tế	21.459.461	28.229.833
- Bảo hiểm thất nghiệp	9.020.671	12.155.237
- Phải trả cổ tức (cổ đông)	60.460.000	64.600.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngdn hạn	142.000.000	174.000.000
- Thuế TNCN 2008 phải trả CNV theo QT thuế		

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, XI Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Thuế TNCN được miễn phải trả người môi giới

<b>Cộng</b>		<b>621.254.936</b>	<b>775.580.277</b>
<b>19 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN</b>	<b>Số cuối quý III</b>		<b>Số đầu năm (cuối Q2)</b>
a - <b>Vay dài hạn</b>	<b>537.616.641</b>		<b>537.616.641</b>
+Vay dài hạn ngân hàng DT & PT - CN TP. HCM	532.005.012		532.005.012
+Vay dài hạn ngân hàng ANZ	5.611.629		5.611.629
- Trái phiếu phát hành			
b - <b>Nợ dài hạn</b>	<b>2.344.525.859</b>		<b>2.344.525.859</b>
+Thuê tài chính - Cty Cho thuê Tài chính VILC	1.843.097.283		1.843.097.283
+Thuê tài chính - Cty cho thuê tài chính CILC	501.428.576		501.428.576
<b>Cộng</b>	<b>2.882.142.500</b>		<b>2.882.142.500</b>

c - Các khoản nợ thuế tài chính

Thời hạn	Năm nay (Quý III/2010)			Quý trước Q2)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 01 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm	376.590.332	89.542.267	287.048.065	379.316.480	99.320.489	279.995.991
Trên 5 năm						

20 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thug thu nhập hoãn lại phải trả

a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối Q2)</b>
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		
<b>Tài sản thug thu nhập hoãn lại</b>		
b - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm (cuối Q2)</b>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		

21 - Vốn chủ sở hữu

a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (LN chưa PP)	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư, phát triển	Quý dự phbng tài chính	NV đầu tư XDCVB	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	27.482.700.000		3.083.930.179		1.608.088.304	924.662.233		



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Tăng vốn trong năm trước				419.674.482	209.837.241		
-Lãi trong năm trước		4.535.459.896		91.915.951	45.957.976		
-Tăng khác							
-Giảm vốn trong năm trước							
-Lỗ trong năm trước							
-Giảm khác		2.762.036.280					
Số dư cuối năm trước số dư đầu năm nay	27.482.700.000	4.857.353.795		2.119.678.737	1.180.457.450		
-Tăng vốn trong năm nay							
-Lãi trong năm nay		296.837.186					
-Tăng khác							
-Giảm vốn trong năm nay		3.216.192.167					
-Lỗ trong năm nay							
-Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	27.482.700.000	1.937.998.814		2.119.678.737	1.180.457.450		

**b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Vốn góp của Nhà nước
- Vốn góp của các cổ đông  
(Bao gồm các cổ đông sáng lập và các cổ đông khác)

**Số cuối quý III**

**Số đầu năm (cuối Q2)**

27.482.700.000

27.482.700.000

**Cộng**

**27.482.700.000**

**27.482.700.000**

**c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

**Số cuối quý III**

**Số đầu năm (cuối Q2)**

27.482.700.000

27.482.700.000

27.482.700.000

27.482.700.000

**d - Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

**đ - Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- + Cổ phiếu phổ thông

**Số cuối quý III**

**Số đầu năm (cuối Q2)**

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, XI Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	(10.000 đ/cp ( Mười ngàn đồng/cổ phiếu)	
e - Các quỹ của doanh nghiệp	<u>Số cuối quý III</u>	<u>Số đầu năm (cuối Q2)</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.119.678.737	2.119.678.737
- Quỹ dự phbng tài chính	1.180.457.450	1.180.457.450
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-412.429.418	-405.029.418
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp		

**VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính : VND

	<u>Năm nay (30/09/2010)</u>	<u>Quý trước (Q2)</u>
<b>22 - TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Ml số 01)</b>	<b>19.790.782.947</b>	<b>24.121.953.770</b>
Trong đó		
- Doanh thu bán hàng	19.790.782.947	24.121.953.770
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đối với DN có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
<b>Cộng</b>	<b>19.790.782.947</b>	<b>24.121.953.770</b>
<b>23 - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (Ml số 02)</b>	<u>Năm nay (30/09/2010)</u>	<u>Quý trước (Q2)</u>
Trong đó		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)		
- Thuế tiêu thu đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
<b>24 - DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Ml số 10)</b>	<u>Năm nay (30/09/2010)</u>	<u>Quý trước (Q2)</u>
Trong đó		
- Doanh thu thuận trao đổi sản phẩm, hàng hóa	19.790.782.947	24.121.953.770
- Doanh thu thuận trao đổi dịch vụ		
<b>Cộng</b>	<b>19.790.782.947</b>	<b>24.121.953.770</b>
<b>25 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN (Mã số 11)</b>	<u>Năm nay (30/09/2010)</u>	<u>Quý trước (Q2)</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.328.561.041	23.770.242.233
<b>Cộng</b>	<b>19.328.561.041</b>	<b>23.770.242.233</b>
<b>26 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (Ml số 21)</b>	<u>Năm nay (30/09/2010)</u>	<u>Quý trước (Q2)</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.202.914	9.808.724

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, XI Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Chiết khấu thanh toán được hưởng	517.061.220	280.391.100
- Thu nhập về hoạt động mua bán chứng khoán	44.112.578	2.306.700.000
- Doanh hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>569.376.712</b>	<b>2.596.899.824</b>
<b>27 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH (Mã số 22)</b>	<b><u>Năm nay (30/09/2010)</u></b>	<b><u>Quý trước (Q2)</u></b>
- Chi phí lãi vay vốn cố định ( vay dài hạn NH)	45.764.375	62.229.595
- Chi phí lãi vay vốn lưu động ( vay ngắn hạn NH)	670.032.925	632.267.901
- Chi phí lãi thuê tài chính	89.542.267	99.320.489
- Chi phí lãi vay cá nhân và các đối tượng khác	8.530.411	26.763.422
- Chi phí tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>813.869.978</b>	<b>820.581.407</b>
<b>28 - CHI PHÍ THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ (MI số 51)</b>	<b><u>Năm nay (30/09/2010)</u></b>	<b><u>Quý trước (Q2)</u></b>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-802.383.222	134.732.534
-Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
-Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thug thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-802.383.222	134.732.534
-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		13.015.104
-Chi phí thuế TNDN hoãn lại (MI số 52)		
-Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-802.383.222	121.717.430
<b>Ghi chú :</b>		
-Thu nhập chịu thuế của nhà máy 1, nhà máy 2, nhà máy 3 được xác định theo tỷ lệ doanh thu của từng nhà máy trên tổng doanh thu.		
-Thuế suất thuế TNDN của nhà máy 1 là 15%, nhà máy 2 và nhà máy 3 là 25%		
-Công ty đang trong giai đoạn được giảm 50% thuế TNDN.		
<b>29 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN QUÝ 1+2+3 NĂM 2010</b>	<b><u>Năm nay (30/09/2010)</u></b>	
1 -Lợi nhuận năm 2009 còn lại chưa phân phối	4.857.353.795	
2 -Lợi nhuận kinh doanh 06 tháng đầu năm 2010	1.099.220.408	
3 -Lợi nhuận kinh doanh quý 3 năm 2010	-802.383.222	
4 -Tổng lợi nhuận 09 tháng đầu năm 2010 (=2+3)	296.837.186	
-Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế	238.132.289	
+Chi nộp phạt vi phạm giao thông	7.353.896	
+Thù lao HĐQT+BKS	161.000.000	
+Chi phí khác	69.778.393	
+Trích lập các quỹ	229.789.878	
-Quỹ dự phòng tài chính (5%)	45.957.976	
-Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	91.915.951	
-Quỹ đầu tư phát triển (10%)	91.915.951	
-K/C lợi nhuận sang TK 3388 để chia cổ tức	2.748.270.000	
-Lợi nhuận còn lại đến 30/09/2010	1.937.998.814	
<b>30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>	<b><u>Năm nay (30/09/2010)</u></b>	<b><u>Quý trước (Q2)</u></b>
-Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-802.383.222	121.717.430
-Cđ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.748.270	2.748.270
-Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-292	44

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, XI Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hba , Tỉnh Long An

31 - Chi phí sản xuất , kinh doanh theo yếu tố	Năm nay (30/09/2010)	Quý trước (Q2)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.105.721.536	20.828.013.151
- Chi phí nhân công	858.955.449	1.063.114.522
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	914.740.586	889.543.804
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	761.794.382	1.137.380.245
- Chi phí khác bằng tiền	2.111.432.408	1.997.843.052
<b>Cộng</b>	<b>20.752.644.361</b>	<b>25.915.894.774</b>

**VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

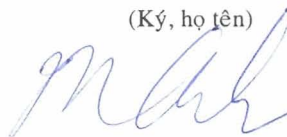
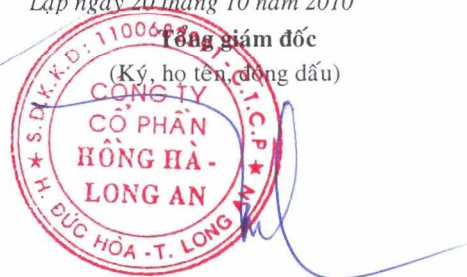
- 32 Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc 30/09/2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành ngày 20/10/2010.

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2010

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan Văn Vàng

Vũ Xuân Mạch

Phạm Văn Tiến